

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **41/2023/HS-ST**

Ngày: 09 - 3 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quang và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 233/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐST-HS ngày 10/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm 1994 tại Đồng Nai; Cư trú: tổ 10, khu A, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Lê Văn H. Sinh năm: 1960 và con bà Nguyễn Thị G. Sinh năm: 1965; Chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 20/01/2015 bị TAND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/6/2015; Ngày 20/9/2016 bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 134/2016/HSST ngày 20/9/2016 (chưa thi hành án phí); Ngày 30/12/2016 bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại Bản án số 134/2016/HSST ngày 20/9/2016 buộc Lê Văn H pH chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2019. (Bị cáo chưa thi hành án phí và bồi thường dân sự); Tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày 02/8/2022 đến nay. (Có mặt)

2. Đỗ Thanh B (tên gọi khác: B1), sinh năm 1989 tại Đồng Nai; cư trú: tổ 2, khu A, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Đỗ Thành P sinh năm: 1964 và bà Linh Vy N sinh năm 1966; chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 30/12/2016 bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/8/2018 (chưa thi hành án phí và phần bồi thường); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/6/2009 bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2009; Ngày 29/11/2010 bị TAND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2010; Bị giam giữ từ ngày 03/8/2022 đến nay. (Có mặt)

- **Bị hại:** Chị Mai Thị L, sinh năm 1996; Cư trú: tổ 3, ấp 1, xã S, huyện T1, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Nguyễn Xuân L1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H và Đỗ Thanh B là các đối tượng đã nhiều lần phạm tội Trộm cắp tài sản. Để có tiền tiêu xài, H rủ B đi cướp giật tài sản thì B đồng ý. Vào khoảng 19 giờ ngày 02/8/2022, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ đen biển số 60B8- 904.91 đến phòng trọ của B thuê tại ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Tại đây H và B thỏa thuận, H là người điều khiển xe mô tô chở B ngồi sau trực tiếp giật tài sản của những người đi đường, H điều khiển xe đi trên tuyến đường Nguyễn Hoàng hướng Trảng Bom- Cây Gáo khi đến đoạn đường Sông Trầu 6 thuộc ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai thì H phát hiện chị Mai Thị L đang dừng xe mô tô biển số 72F1-116.88 đứng bên lề đường trên tay cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ. Lúc này H quay đầu xe lại và chạy từ phía sau lên áp sát bên trái chị L, B ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại trên tay chị L, sau khi B giật được điện thoại thì H nhanh chóng tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về hướng đường Nguyễn Hoàng thuộc ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, lúc này chị L cùng người dân truy đuổi phía sau. Khi cả hai bỏ chạy đến ngã ba giao nhau giữa đường Nguyễn Hoàng và đường Sông Trầu 6 thuộc ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom thì xảy ra va chạm với xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60V8-9950 do anh Võ Thanh Nhật Hoàn điều khiển. H ngã xuống đường thì bị bắt quả tang cùng tang vật là xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B8-904.91 và bàn giao cho Công an xã Sông Trầu, còn B bỏ chạy thoát. Ngày 03/8/2022 Cơ quan CSĐT đã ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đỗ Thanh B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 14/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận: 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ trị giá 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B8-904.91 là tài sản của bà Nguyễn Thị G (mẹ bị cáo H), bị cáo H sử dụng xe vào việc phạm tội bà G không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Trảng Bom đã trả lại xe cho bà Nguyễn Thị G.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus màu đỏ các bị cáo chiếm đoạt của chị Mai Thị L, bị cáo B đã làm rớt trong quá trình bỏ chạy, hiện không thu hồi được. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định truy tìm nhưng không tìm thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Mai Thị L yêu cầu bị cáo Lê Văn H và Đỗ Thanh B liên đới bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 08/CT/VKS-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Thanh B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo H từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù; bị cáo B từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù;
2. Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị L theo quy định.
3. Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai bị hại và người làm chứng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 02/8/2022, tại đoạn đường Sông Trầu 6 thuộc ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Lê Văn H đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số: 60B8- 904.91 chở bị cáo Đỗ Thanh B áp sát bên trái chị Mai Thị L để bị cáo B dùng tay phải giật 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trị giá 3.500.000 đồng của chị Mai Thị L đang đứng sử dụng điện thoại bên lề đường và bỏ chạy với lỗi cố ý trực tiếp. Mặt khác, Ngày 20/01/2015 bị cáo H bị TAND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 20/9/2016 bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 30/12/2016 bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02

năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo H đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Đỗ Thanh B đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Mai Thị L được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo H là người khởi xướng nên có vai trò cao hơn bị cáo B.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và B là người có nhân thân xấu; Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo B đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Mai Thị L yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 5.000.000 đồng và được các bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên và buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L 2.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự:

1.1 Tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.2 Xử phạt bị cáo **Lê Văn H 4 (bốn) năm tù**; thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2022.

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

2.1 Tuyên bố bị cáo **Đỗ Thanh B (tên gọi khác: B1)** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2.2 Xử phạt bị cáo **Đỗ Thanh B (tên gọi khác: B1)** **3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù**; thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2022.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo **Lê Văn H, Đỗ Thanh B** có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Mai Thị L số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả tiền thì hàng tháng các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Lê Văn H, Đỗ Thanh B mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND H. Trảng Bom; tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra H. Trảng Bom;
- Bị cáo; bị hại;
- THA, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

Đinh Thị Bích Liễu